



**SUSTAINABLE ECOTOURISM DEVELOPMENT
IN HA LONG BAY, QUANG NINH**

To Ngoc Thinh

Thuong mai University, Viet Nam

Email address: tongocthinh@tmu.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/630>

Article info

Abstract:

Received: 2/1/2022

Revised: 25/2/2022

Accepted: 5/3/2022

Keywords:

*Ecotourism;
Sustainable
Development;
Tourism resources;
Biodiversity; Ha Long
Bay*

Ha Long Bay (Quang Ninh) was twice recognized by UNESCO as a World Natural Heritage with exceptional values in terms of landscape and geology and geomorphology. For the first time, in 1994, the core area of Ha Long Bay was recognized by UNESCO as a World Natural Heritage with exceptional aesthetic value (Natural Heritage, secondary objective: iii). For the second time, in 2000, Ha Long Bay was recognized with exceptional global value in terms of geology and geomorphology (Natural Heritage, target category: i). Those records of UNESCO have confirmed the special values of Ha Long Bay. In addition to the special values mentioned above, Ha Long Bay also contains great values of biodiversity, reflected in the diversity of species composition, rare and endemic genetic resources, which is an outstanding representative example. for the ongoing ecological and biological processes in the evolution and development of land, freshwater, coastal and marine ecosystems and animal and plant communities... Biodiversity of Ha Long Bay together with the development of tourism infrastructure and technical facilities are very favorable conditions for the development of sustainable eco-tourism in Ha Long Bay in particular, the development of Quang Ninh tourism in general.



PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI BỀN VỮNG TẠI VỊNH HẠ LONG, QUẢNG NINH

Tô Ngọc Thịnh

Trường Đại học Thương mại, Việt Nam

Email: tongocthinh@tmu.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/630>

Thông tin bài viết	Tóm tắt
<p><i>Ngày nhận bài: 21/1/2021</i></p> <p><i>Ngày chỉnh sửa: 15/2/2022</i></p> <p><i>Ngày duyệt đăng: 5/3/2022</i></p>	<p>Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh) được UNESCO hai lần công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới với những giá trị ngoại hạng về cảnh quan và địa chất, địa mạo. Lần thứ nhất, năm 1994 vùng lõi của Vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới với giá trị ngoại hạng về thẩm mỹ (Di sản thiên nhiên, thứ mục tiêu chỉ: iii). Lần thứ hai, năm 2000 Vịnh Hạ Long được công nhận với giá trị ngoại hạng toàn cầu về địa chất, địa mạo (Di sản thiên nhiên, thứ mục tiêu chỉ: i). Những ghi nhận đó của UNESCO đã khẳng định những giá trị đặc biệt riêng có của Vịnh Hạ Long. Bên cạnh những giá trị đặc biệt nêu trên, Vịnh Hạ Long còn chứa đựng những giá trị to lớn về đa dạng sinh học, thể hiện ở dạng dạng thành phần loài, nguồn gen đặc hữu quý hiếm, là ví dụ nổi bật đại diện cho các quá trình sinh thái và sinh học đang tiếp diễn trong quá trình tiến hoá và phát triển của các hệ sinh thái đất, nước ngọt, vùng ven biển và biển và các quần xã động vật, thực vật... Sự đa dạng sinh học của vịnh Hạ Long cùng với sự phát triển của cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch là điều kiện rất thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái bền vững tại vịnh Hạ Long nói riêng, phát triển du lịch Quảng Ninh nói chung.</p>
<p>Từ khóa:</p> <p><i>du lịch sinh thái; phát triển bền vững; tài nguyên du lịch; đa dạng sinh học; vịnh Hạ Long</i></p>	

1. Mở đầu

Vịnh Hạ Long tỉnh Quảng Ninh chứa đựng những giá trị to lớn về đa dạng sinh học, thể hiện ở dạng dạng thành phần loài, nguồn gen đặc hữu quý hiếm, là ví dụ nổi bật đại diện cho các quá trình sinh thái và sinh học đang tiếp diễn trong quá trình tiến hoá và phát triển của các hệ sinh thái đất, nước ngọt, vùng ven biển và biển và các quần xã động vật, thực vật... Bài viết sử dụng các dữ liệu thứ cấp thu thập được để phân tích, làm rõ sự đa dạng sinh học của vịnh Hạ Long và thực trạng phát triển du lịch của Quảng Ninh thời gian qua, từ đó, gợi ý một số kiến nghị nhằm phát triển du lịch sinh thái bền vững nói riêng, phát triển du lịch nói chung.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan về du lịch sinh thái bền vững

Khái niệm, đặc điểm của du lịch sinh thái

Theo Luật Du lịch Việt Nam 2017: “Du lịch sinh thái là hình thức du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hóa địa phương với sự tham gia của cộng đồng nhằm phát triển bền vững”. [6]

Nhìn chung các khái niệm về du lịch sinh thái đều có sự thống nhất trên quan điểm về nội dung đề cập là: thiên nhiên, bản sắc văn hóa, trách nhiệm và lợi ích của cộng đồng, và phát triển bền vững, tuy nhiên còn đề cập chung chung và chưa toàn diện.

Du lịch sinh thái có các đặc trưng sau:

- Dựa vào thiên nhiên và các nền văn hoá bản địa, chủ yếu ở các khu bảo tồn thiên nhiên.

- Chú trọng vào sự nâng cấp và duy trì thiên nhiên, quản lý tài nguyên bền vững.

- Hỗ trợ cho công tác bảo tồn thiên nhiên.

- Mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương.

- Nâng cao hiểu biết của du khách về môi trường thiên nhiên và văn hoá bản địa.

- Đảm bảo cho nhu cầu thưởng thức của các thế hệ mai sau không bị ảnh hưởng tiêu cực bởi các du khách hôm nay. [1]

Tài nguyên du lịch sinh thái

Khái niệm tài nguyên du lịch sinh thái

Tài nguyên du lịch sinh thái là một khái niệm rất rộng bao gồm các yếu tố cơ bản để tạo nên các điểm, các tuyến hoặc khu du lịch sinh thái; có thể bao gồm các cảnh quan thiên nhiên, các di tích lịch sử, giá trị nhân văn, các công trình do nhân loại tạo nên có thể được sử dụng để nhằm thỏa mãn cho nhu cầu về du lịch sinh thái.

Theo Điều 3, Khoản 4, Luật Du lịch 2017: “Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên và các giá trị văn hóa làm cơ sở để hình thành sản phẩm du lịch, khu du lịch, điểm du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch. Tài nguyên du lịch bao gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa”. [6]

Nhìn chung tài nguyên du lịch sinh thái rất đa dạng và phong phú, thông thường người ta đưa vào khai thác và phục vụ một số dạng tài nguyên du lịch sinh thái chính bao gồm:

- Các hệ sinh thái tự nhiên đặc thù và tập trung chú ý đến những nơi có tính đa dạng sinh học cao với nhiều loại sinh vật đặc hữu, quý hiếm (như ở các vườn quốc gia, khu Bảo tồn thiên nhiên, các khu dự trữ sinh quyển...)

- Các hệ sinh thái nông nghiệp (vườn cây ăn trái, làng hoa, vườn trang trại...)

- Các giá trị văn hóa bản địa hình thành và phát triển có sự gắn kết với sự tồn tại của hệ sinh thái tự nhiên như các phương thức canh tác truyền thống, các lễ hội, các sinh hoạt truyền thống của cộng đồng...

- Các di sản văn hoá bản địa truyền thống (gồm văn hoá vật thể và phi vật thể).

Đặc điểm của tài nguyên du lịch sinh thái

- Phong phú và đa dạng: Tài nguyên du lịch sinh thái được hình thành trên nền tảng các tài nguyên tự nhiên - rất đa dạng và phong phú, vì thế tài nguyên du lịch sinh thái cũng có chung đặc điểm này. Tài

nguyên du lịch sinh thái bao gồm những hệ sinh thái đặc biệt, là nơi tồn tại, sinh trưởng và phát triển của nhiều loài sinh vật quý hiếm, có sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách.

- Nhạy cảm với các yếu tố tác động: So sánh với nhiều loại tài nguyên du lịch khác, tài nguyên du lịch sinh thái thường rất nhạy cảm đối với những tác động của con người.

- Thời gian khai thác tài nguyên du lịch sinh thái là không đồng nhất: Có loại tài nguyên du lịch sinh thái có thể khai thác được quanh năm, cũng có loại tài nguyên du lịch sinh thái khai thác theo thời vụ; chủ yếu dựa vào các yếu tố khí hậu, mùa di cư, sự sinh sản của các loài sinh vật...

- Nằm xa các khu dân cư và thường được khai thác tại chỗ để tạo ra các sản phẩm du lịch: Điều này giải thích tại sao phần lớn tài nguyên du lịch sinh thái lại nằm trong phạm vi các khu bảo tồn thiên nhiên, nơi có sự quản lý chặt chẽ.

- Có khả năng tái tạo và sử dụng lâu dài: Phần lớn các tài nguyên du lịch, trong đó có tài nguyên du lịch sinh thái được xếp vào loại tài nguyên có thể tái tạo và sử dụng lâu dài. Điều này dựa trên khả năng tự phục hồi, tái tạo của tự nhiên.

Vấn đề được đặt ra là cần phải nắm được các quy luật của tự nhiên, lường trước được những tác động của con người lên tự nhiên nói chung, lên tài nguyên du lịch sinh thái nói riêng để có những giải pháp, những định hướng để khai thác một cách có hiệu quả; tôn tạo, bảo vệ và phát triển các nguồn tài nguyên nhằm đáp ứng cho việc phát triển du lịch. Đây cũng là yêu cầu sống còn của du lịch nhằm góp phần phát triển du lịch bền vững. Phát triển du lịch bền vững là một trong những yêu cầu cơ bản nhằm đảm bảo cho nguồn tài nguyên du lịch nói chung, du lịch sinh thái nói riêng ít bị tổn hại. Ngoài ra, phát triển du lịch bền vững càng làm cho các điểm du lịch và các khu du lịch trở nên hấp dẫn hơn, đáp ứng cho nhu cầu phát triển du lịch sinh thái trong hiện tại và tương lai.

Mục tiêu và nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái bền vững

Mục tiêu phát triển du lịch sinh thái

- Mục tiêu sinh thái – môi trường: Xem xét đến khả năng gánh chịu của vùng sinh thái về lượng du khách. Tính nhạy cảm của sinh vật và các hệ sinh thái, vấn đề ô nhiễm môi trường, tải lượng rác thải, nước thải và các quá trình làm gián đoạn sinh thái do du khách gây ra. Phát triển du lịch sinh thái phải đi đôi với việc bảo vệ môi trường sinh thái bền vững.

- Mục tiêu tăng tính thẩm mỹ: Tối thiểu hóa những thiệt hại sinh thái do du khách mang lại là một phần trong mục tiêu thẩm mỹ của du lịch sinh thái.

Du khách có thể giảm “thiện chí trả tiền” một khi tính hấp dẫn về thẩm mỹ, sinh thái của cảnh quan đã bị suy giảm, bị phá vỡ.

- Mục tiêu kinh tế: Cần so sánh về chi phí bỏ ra so với tổng lợi ích kinh tế, các yếu tố ngoại vi và chi phí cơ hội đối với việc thu hút du khách và vấn đề phụ thuộc kinh tế do du lịch sinh thái mang lại.

- Mục tiêu an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội: Quy hoạch và phát triển du lịch sinh thái không ngoài mục tiêu thu hút du khách trong và ngoài nước đến với cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, không vì thế mà chúng ta bỏ qua vấn đề an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội. Cần chú ý tạo thêm việc làm, tăng thêm thu nhập và góp phần ổn định kinh tế, xã hội và bảo vệ an ninh quốc phòng cho khu vực.

- Mục tiêu văn hóa - xã hội: Trong quy hoạch du lịch sinh thái, cần phải gắn kết việc giữ gìn và tôn tạo các truyền thống văn hóa đặc trưng của địa phương, bảo tồn được môi trường nhân văn trong sạch, đồng thời khai thác tốt các di sản văn hóa có giá trị phục vụ cho du lịch.

- Mục tiêu hỗ trợ phát triển: Nghiên cứu về du lịch sinh thái còn phải cung cấp các thông tin tư liệu, những định hướng chiến lược cơ bản để khuyến khích hỗ trợ cho sự phát triển, xúc tiến, lập kế hoạch, thiết lập mối quan hệ giữa các ban ngành, tạo lực đẩy cho sự phát triển của ngành.

Nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái bền vững

Du lịch sinh thái khi hướng đến mục tiêu bền vững đã xây dựng các nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Sử dụng và bảo vệ tài nguyên một cách bền vững: Bao gồm tài nguyên tự nhiên, tài nguyên văn hóa. Cân đối hài hòa trong việc sử dụng một cách bền vững nguồn tài nguyên là nền tảng cơ bản nhất của việc phát triển du lịch sinh thái.

- Bảo tồn tính đa dạng về tự nhiên, văn hóa... (chúng loài các hệ động thực vật, bản sắc văn hóa dân tộc...).

- Thúc đẩy chương trình giáo dục và huấn luyện để cải thiện, quản lý di sản và các loại tài nguyên thiên nhiên một cách hiệu quả: Tác động giảm thiểu mức tiêu thụ tài nguyên hiện có, giảm thiểu lượng chất thải một cách triệt để nhằm nâng cao chất lượng môi trường.

- Phối hợp mục tiêu hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương: Trách nhiệm của du lịch sinh thái là đóng góp vào phúc lợi của cộng đồng địa phương như là một sự đầu tư gián tiếp cho bảo tồn, góp phần tạo tính tương tác bền vững cho hoạt động du lịch sinh thái từ địa bàn sở tại.

- Tạo điều kiện thu hút sự tham gia của cộng đồng

địa phương; hoạt động tư vấn các nhóm lợi ích và công chúng; Trách nhiệm của du lịch sinh thái là đóng góp vào phúc lợi ích của cộng đồng địa phương như là một sự đầu tư gián tiếp cho bảo tồn, góp phần tạo tính tương tác bền vững cho hoạt động du lịch sinh thái từ địa bàn sở tại. Tư vấn giữa công nghiệp du lịch và cộng đồng địa phương, các tổ chức và cơ quan nhằm đảm bảo cho sự hợp tác lâu dài cũng như giải quyết các xung đột có thể nảy sinh.

- Marketing du lịch một cách trung thực và có trách nhiệm: Phải cung cấp cho du khách những thông tin đầy đủ và có trách nhiệm nhằm nâng cao sự tôn trọng của du khách đến môi trường tự nhiên, xã hội và văn hóa, qua đó góp phần thỏa mãn nhu cầu của du khách.

- Phối hợp lồng ghép hài hòa giữa chiến lược phát triển du lịch của địa phương, vùng và của quốc gia.

2.2. Phát triển du lịch sinh thái bền vững của vịnh Hạ Long

2.2.1. Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái của vịnh Hạ Long

a. Về dạng sinh học Vịnh Hạ Long

Vịnh Hạ Long được các nhà khoa học đánh giá là khu vực có sự đa dạng sinh học cao với những hệ sinh thái điển hình, đa dạng về thành phần loài và nhiều nguồn gen đặc hữu quý hiếm. Theo các tài liệu nghiên cứu của Viện Sinh thái và Tài Nguyên sinh vật, Vịnh Hạ Long có 2.949 loài động, thực vật. Trong đó, đã xác định được 102 loài quý hiếm có giá trị toàn cầu hoặc khu vực, và đặc biệt có 18 loài thực vật đặc hữu, quý hiếm chỉ tìm thấy ở Hạ Long. Đây là khu vực thiên nhiên có số lượng loài nhiều nhất đã biết ở Việt Nam.

Vịnh Hạ Long tồn tại 10 kiểu hệ sinh thái đặc thù, song có thể chia làm hai hệ sinh thái lớn: Hệ sinh thái rừng thường xanh nhiệt đới, Hệ sinh thái biển và ven bờ.

Hệ sinh thái rừng thường xanh nhiệt đới

Hệ thực vật trên các đảo Vịnh Hạ Long hiện có 507 loài, 351 chi thuộc 110 họ thực vật bậc cao có mạch. Trong đó, ngành Mộc lan có 486 loài, ngành Dương xỉ có 17 loài, ngành Thông đất có 2 loài, ngành Lá thông có 1 loài, ngành Thông hạt trần có 2 loài. Hệ động vật có: 45 loài bò sát và 21 loài lưỡng cư, 71 loài chim, 22 loài thú.

Một số quần xã các loài thực vật khác nhau được tìm thấy như: loài ngập mặn, các loài thực vật ở bờ cát ven đảo, các loài mọc trên sườn núi, vách đá, đỉnh núi hoặc ở cửa hang. Hiện đã phát hiện 18 loài thực vật đặc hữu của Vịnh Hạ Long, cụ thể: Ngũ gia bì Hạ Long (*Schefflera halongensis*), Cọ Hạ Long (*Livistona halongensis*), Tuế Hạ Long

(Cycas tropophylla), Bóng nước Hạ Long (Impatiens halongensis), Khô cử đại một cặp (Chirita gemella), Khô cử đại tím (Chirita halongensis), Khô cử đại nhung (Chirita hiepii), Khô cử đại ôn hoà (Chirita modesta), Song bẻ Hạ Long (Paraboea halongensis), Nô Hạ Long (Neolitsea halongensis), Sung Hạ Long (Ficus superba var. halongensis), Cơm nguội chân (Ardisia pedalis), Nhài Hạ Long (Jasminum halongensis), An điền Hạ Long (Hedyotis lecomtei), Móng tai Hạ Long (Allophylus leviscens), Nan ông Hạ Long (Pilea halongensis), Riêng núi đá (Alpinia calcicola) và Hải vệ nữ hoa vàng Hạ Long.

Hệ sinh thái biển và ven bờ: (Bao gồm hệ sinh thái đất ướt và hệ sinh thái biển)

Đến nay, trong khu vực Vịnh Hạ Long đã xác định được: 571 loài động vật đáy, 419 loài sinh vật phù du, 181 loài san hô, 156 loài cá biển, 139 loài rong biển, 5 loài cỏ biển và 19 loài thực vật ngập mặn.

Hệ sinh thái đất ướt: Có thể chia vùng đất ướt của Vịnh Hạ Long và phụ cận làm 7 hệ sinh thái: Hệ sinh thái rừng ngập mặn (có 19 loài thực vật ngập mặn đóng vai trò là nơi sinh sống của nhiều loài sinh vật khác nhau); Hệ sinh thái thảm cỏ biển (5 loài); Hệ sinh thái bãi triều rạn đá quanh các đảo trong Vịnh Hạ Long; Hệ sinh thái bãi triều cát ven đảo; Hệ sinh thái vùng triều thấp đáy mềm cửa sông; Hệ sinh thái rạn san hô; Hệ sinh thái Tùng, Áng;

Hệ sinh thái biển: Hệ sinh thái biển Hạ Long bao gồm: Thực vật phù du; động vật phù du; động vật đáy biển và động vật tự du.

Như vậy, có thể khẳng định Vịnh Hạ Long là ví dụ nổi bật đại diện cho các quá trình sinh thái và sinh học đang tiếp diễn trong quá trình tiến hoá và phát triển của các hệ sinh thái đất, nước ngọt, vùng ven biển và biển và các quần xã động vật, thực vật. Căn cứ vào tiêu chuẩn Di sản thiên nhiên của UNESCO, thứ mục tiêu chỉ: ii, Vịnh Hạ Long có đầy đủ các điều kiện cần thiết để lần thứ 3 được UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới.

Đây chính là nguồn tài nguyên du lịch sinh thái tự nhiên quý giá, độc đáo, riêng có giúp Hạ Long hình thành nên các sản phẩm du lịch sinh thái độc đáo, mới lạ, hấp dẫn thu hút du khách trong và ngoài nước, đặc biệt là các du khách yêu thích khám phá thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường cao.

b. Về cơ sở hạ tầng du lịch

Hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông của Quảng Ninh rất phong phú bao gồm giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển và cảng hàng không:

- Đường bộ: Tỉnh có 7 tuyến quốc lộ với tổng

chiều dài 558,79km, 14 tuyến tỉnh lộ với tổng chiều dài khoảng 342km, khoảng 580km đường đô thị, khoảng 743km đường huyện, và khoảng 2240km đường xã, có 03 tuyến cao tốc (Cao tốc Hạ Long - Hải Phòng; Cao tốc Hạ Long - Vân Đồn; Cao tốc Vân Đồn - Móng Cái) và 16 bến xe khách đang hoạt động.

- Đường sắt: Tỉnh có một tuyến đường sắt cấp quốc gia đi qua dài 64,08 km kết nối từ ga Kép (Bắc Giang) đến Đông Triều, Uông Bí và Hạ Long. Dự án xây dựng tuyến Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân hiện nay đang tạm dừng, mới hoàn thành xây dựng đoạn tuyến từ ga Hạ Long tới cảng Cái Lân.

- Hệ thống giao thông đường biển: Hệ thống giao thông đường biển, trong đó có cảng tàu du lịch giữ vai trò hết sức quan trọng đối với phát triển du lịch Khu vực Vịnh Hạ Long - Vịnh Bái Tử Long - Vân Đồn - Cô Tô. Chính vì vậy, thời gian qua đã được chính quyền địa phương quan tâm đầu tư phát triển để đáp ứng nhu cầu vận chuyển khách ngày càng tăng. Hiện nay, trên Khu vực Vịnh Hạ Long đang khai thác các bến tàu khách du lịch chủ yếu sau:

Cảng tàu khách quốc tế Hạ Long: Cảng tàu khách quốc tế Hạ Long là cảng tàu khách chuyên biệt. Cảng nằm bên trái tuyến luồng Hòn Gai – Cái Lân (phường Bãi Cháy, Hạ Long). Cảng gồm bến tàu khách quốc tế và bến tàu khách nội địa, bến du thuyền. Bến tàu khách quốc tế được khánh thành ngày 30/12/2018. Bến có thể phục vụ cùng lúc 2 tàu, mức tối đa trọng tải tàu lớn nhất là 225000 GRT với tổng số 8.460 người. 22 Bến tàu khách nội địa và bến du thuyền được khai trương tháng 4/2019 với 4 cầu bến hiện đại, sức chứa tối đa tới 300 tàu du lịch tham quan và lưu trú đi các tuyến tham quan Vịnh Hạ Long, Vịnh Bái Tử Long. Bến có công năng phục vụ được các tàu du lịch, tàu tham quan, tàu ngủ đêm và tàu cao tốc cỡ lớn. Cầu bến số 1 và số 2 có chiều dài mỗi bên 488m. Cầu bến số 3 và 4 lần lượt dài 244m và 171m, thuận tiện cho khách du lịch và các phương tiện dễ dàng di chuyển.

Cảng tàu khách quốc tế Tuần Châu: Gồm 2 cảng Tuần Châu 1 và Tuần Châu 2. - Cảng Tuần Châu 1 nằm giữa hai bờ khu đô thị về hướng Nam của đảo Tuần Châu. Cảng có chiều dài bến neo đậu 2.000m, năng lực tiếp nhận hơn 200 tàu lớn nhỏ. Khu trung tâm cảng là hệ thống nhà ga, nhà chờ, khu điều hành với không gian bài trí sang trọng rộng hơn 8.000m², bố trí hơn 1.000 ghế ngồi và có thể cùng lúc tiếp nhận khoảng 3.000 khách đợi làm thủ tục xuống tàu tham quan Vịnh Hạ Long. Ngoài ra, tại nhà ga còn có hệ thống siêu thị, nhà hàng cùng với các dịch vụ phục vụ miễn phí cho du khách như: ca múa nhạc dân tộc; múa rối nước; phòng y tế; nước uống; wifi; khu vui chơi trẻ em; khu vệ sinh cao cấp... Bên cạnh đó là khu trung tâm hỗ trợ hành khách, số hóa các phương pháp nghiệp vụ, hệ thống mái che đường dẫn xung quanh

cảng cùng hàng 100 camera an ninh giám sát. Xung quanh cảng là các khu đô thị cao cấp, khu bến đỗ thủy phi cơ, bến phà Tuần Châu - Cát Bà, Khu vui chơi giải trí quốc tế, bãi tắm, khu resort... - Cảng Tuần Châu 2 (cảng tàu khách nhân tạo Quốc tế Tuần Châu) nằm kề Cảng Tuần Châu 1 về hướng Tây Nam có quy mô lớn gấp 11 lần Cảng Tuần Châu 1 với chiều dài bến neo đậu gần 7km. Cảng được đầu tư đồng bộ, theo đó là hệ thống nhà điều hành, nhà ga, khu nhà làm việc của các cơ quan chức năng Cảng vụ, Ban quản lý Vịnh Hạ Long, hệ thống hậu cần cung cấp nước ngọt, xăng dầu cho các tàu, cùng hàng ngàn cây dừa xen kẽ với những thảm cỏ, bồn hoa tô điểm và che mát cho tổ hợp 44 văn phòng đại diện dành cho các hãng tàu. Cảng có độ sâu trung bình 15m. Nơi hẹp nhất là 300m, nơi rộng nhất 800m, đủ điều kiện tiếp nhận 2.000 tàu neo đậu, đón trả khách. Xung quanh bến cảng là hệ thống giao thông thuận lợi, khu đô thị phức hợp cao cấp, hệ thống khách sạn nghỉ dưỡng, nhà hàng, trung tâm thương mại, bãi đỗ xe rộng rãi, khu vực tiếp nhận và xử lý rác thải trên mặt nước và chất thải từ các tàu... Cảng đã được Tổ chức Kỷ lục Việt Nam xác lập là Cảng du thuyền nhân tạo lớn nhất Việt Nam. Hệ thống Cảng tàu khách quốc tế Tuần Châu gồm cảng 1 hợp nhất với cảng 2 có tổng diện tích 200ha, chiều dài bến neo đậu hơn 10km, có móm nước sâu, được xây dựng ở nơi kín gió, tiện lợi cho công tác quản lý cũng như đảm bảo an toàn cho các tàu ra vào neo đậu và đón trả khách. Từ khi đi vào hoạt động, cảng đã trở thành “cửa ngõ” của Vịnh Hạ Long, hơn 500 tàu du lịch trên Vịnh Hạ 23 Long đang hoạt động tại cảng, mỗi năm đưa đón hơn 3 triệu lượt khách trong nước và quốc tế tham quan, khám phá Vịnh Hạ Long.

Theo Quy hoạch phát triển hệ thống giao thông tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, hướng phát triển mới về giao thông đường biển ở Quảng Ninh thì khu vực Vịnh Hạ Long sẽ xây dựng mới Cảng khách Cột 3, Cảng Nam Cầu Trắng, nâng cấp các bến cập tàu...

- Đường hàng không:

Tỉnh Quảng Ninh có cảng hàng không quốc tế Vân Đồn (sân bay Vân Đồn). Sân bay quốc tế Vân Đồn là một sân bay hỗn hợp quân sự - dân dụng nằm trên địa bàn xã Đoàn Kết, huyện Vân Đồn. Sân bay Vân Đồn còn có chức năng là sân bay dự bị mới cho sân bay Nội Bài, chủ yếu phục vụ cho Đặc khu Vân Đồn và thành phố Hạ Long, nằm cách thành phố Hạ Long khoảng 50km và cách thành phố Cẩm Phả gần 20km. Với công suất lên đến 10 triệu hành khách/năm khi hoàn tất các giai đoạn (gồm 3 giai đoạn), đây sẽ là sân bay phục vụ đặc khu của Việt Nam và là sân bay tự nhân đầu tiên của Việt Nam.

Hiện nay, tại Vịnh Hạ Long có sân bay thủy phi

cơ nằm ở đảo Tuần Châu, phục vụ thủy phi cơ 12 chỗ ngồi, bay ngắm vịnh 30 phút; dịch vụ bay trực thăng cũng vừa được khai thác phục vụ khách du lịch. Đây là sản phẩm du lịch cao cấp cần được phát triển mạnh. [5]

Hệ thống thông tin liên lạc - viễn thông

Trong thời gian qua, tỉnh đã tích cực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quảng bá và kinh doanh du lịch, góp phần thúc đẩy rất lớn cho lĩnh vực này. Trong đó, tỉnh đã triển khai xây dựng hệ thống các website quảng bá và kinh doanh du lịch (như www.halongtravelguide.com; www.halong.vn; www.dulichhalong.com); cập nhật các thông tin về hoạt động của ngành, cũng như giới thiệu các điểm đến, văn hóa di sản, món ăn độc đáo, quảng bá hình ảnh đất nước con người Quảng Ninh trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Nhiều khách sạn lớn, công ty du lịch, lữ hành của tỉnh đã tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc xây dựng và duy trì hoạt động của các website, tổ chức mua bán tour, đặt phòng trực tuyến cho du khách trong và ngoài nước, ứng dụng những phần mềm chuyên dụng như quản trị văn phòng, tài chính... mang lại nhiều lợi ích thiết thực, góp phần đáng kể vào hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và tìm kiếm thị trường của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp trong tỉnh đã lựa chọn hình thức quảng bá thông qua mạng xã hội (như Facebook, Twitter...), đây là kênh thông tin đơn giản, nhưng lại vô cùng hiệu quả và có tầm ảnh hưởng rộng lớn, giúp doanh nghiệp vừa có thể giới thiệu, quảng bá, vừa nhận được thông tin phản hồi nhanh chóng từ khách du lịch.

Quảng Ninh cũng là một trong những địa điểm du lịch đầu tiên trên cả nước cung cấp dịch vụ internet wifi miễn phí cho du khách và người dân. Hiện nay, trên các đảo đều có các điểm internet không dây (wifi) phục vụ tra cứu thông tin miễn phí cho cán bộ, nhân dân, khách du lịch. Điện thoại di động cũng đã được phủ sóng trên các đảo với sự tham gia của các nhà mạng Vinaphone, Viettel, Mobiphone, đảm bảo liên lạc thông suốt cho nhu cầu sử dụng của khách du lịch và người dân. Hệ thống bưu điện đảm bảo.

Tuy hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch bước đầu đạt được một số kết quả, nhưng vẫn còn ở mức sơ khai, còn nhiều hạn chế, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp. Hầu hết các doanh nghiệp quảng bá nhỏ lẻ, tự phát, chưa tập hợp hết các nguồn lực để tạo nên hình ảnh chung cho du lịch của tỉnh; thông tin cập nhật chưa đầy đủ và thiếu thường xuyên gây ảnh hưởng lớn đến thương hiệu, sự phát triển chung của ngành du lịch; chưa có sự liên kết chặt chẽ của

cộng đồng các doanh nghiệp du lịch; tại các nhà hàng, khách sạn, công ty du lịch có quy mô nhỏ vẫn chưa xây dựng Website quảng bá và kinh doanh du lịch.

Ngoài hệ thống thông tin liên lạc đường dây còn có hệ thống thông tin liên lạc không dây của Vina-phone, Mobifone, Viettel, phủ sóng khắp Thành phố và cả khu vực Vịnh Hạ Long, đã tạo điều kiện rất thuận lợi cho phục vụ khách du lịch cũng như nhân dân. Thành phố có một bưu cục trung tâm, một tổng đài có hơn 80.000 số hoà mạng lưới quốc gia. Tuyến đường cáp quang nối với Hà Nội đã được xây dựng, dịch vụ internet cũng phát triển rất nhanh. Hiện tại một phần thành phố, kể cả vùng Vịnh Hạ Long đã được phủ sóng Wi-Fi miễn phí.

Hệ thống cơ sở hạ tầng khác phục vụ du lịch

Nhìn chung, hệ thống cơ sở hạ tầng khác phục vụ du lịch của toàn Tỉnh hiện nay khá tốt, được xây dựng, đầu tư ngày càng hiện đại, đáp ứng được nhu cầu của người dân và du khách trong và ngoài nước. Riêng Thành phố Hạ Long là nơi có cơ sở hạ tầng phát triển nhất của Tỉnh, là điểm nổi của nhiều tuyến giao thông quan trọng, có cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch càng ngày càng tốt. Hiện nay, trên địa bàn Thành phố có các công trình, cơ sở vật chất phục vụ tham quan du lịch như Cụm Thư viện – Bảo tàng Tỉnh, khu vui chơi giải trí hiện đại, khu triển lãm, 04 Trung tâm Thương mại (Big C, Vincom, Hòn Gai, Bãi Cháy) cùng nhiều khu mua sắm, hệ thống cửa hàng, chợ... đáp ứng mọi nhu cầu mua sắm của cả du khách trong và ngoài nước. Hệ thống khách sạn đa dạng, phong phú, cùng những du thuyền nghỉ đêm trên Vịnh chất lượng cao là những cơ sở lưu trú từ bình dân đến cao cấp. Hệ thống tài chính ngân hàng tại Thành phố cũng rất tốt và thuận tiện, đặc biệt ở trung tâm thành phố và các khu vực tập trung du khách đều có máy ATM và phòng giao dịch của các ngân hàng lớn như Vietcombank, BIDV, Agribank, Techcombank... Nhiều nhà hàng, khách sạn, cửa hàng, trung tâm thương mại có các máy thanh toán POS. Hệ thống y tế tốt với các bệnh viện tuyến Tỉnh và một bệnh viện Quốc tế (Vinmec). Nói chung, hệ thống hạ tầng khác phục vụ du lịch của Thành phố hiện nay rất tốt, thành phố cũng đã xây dựng và hoạt động điểm du lịch làng chài Cửa Vạn đã đem lại những trải nghiệm thú vị cho du khách. [5]

c. Về cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

Theo số liệu của Sở Du lịch tỉnh Quảng Ninh, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 50 cơ sở kinh doanh đạt chuẩn phục vụ khách du lịch. Bao gồm: 25 điểm mua sắm (Hạ Long có 05 cơ sở; Móng Cái có 01 cơ sở; Cẩm Phả có 01 cơ sở; Uông Bí có 01 cơ sở đang hoạt động còn lại 17 cơ sở tạm dừng hoạt động do Covid-19); 24 nhà hàng (Hạ Long có 10 cơ sở; Móng Cái có 03 cơ sở; Uông Bí có 05 cơ sở;

Quảng Yên có 03 cơ sở; Đông Triều có 03 cơ sở); 01 điểm vui chơi giải trí (Hạ Long).

Trên địa bàn tỉnh có 193 khách sạn và căn hộ cao cấp xếp hạng từ 1-5 sao. Cụ thể: khách sạn 5 sao có 10 cơ sở (Hạ Long có 06 cơ sở; Móng Cái có 03 cơ sở; Uông Bí có 01 cơ sở); khách sạn và căn hộ cao cấp 4 sao có 14 cơ sở (Hạ Long có 13 cơ sở; Móng Cái có 01 cơ sở); khách sạn 3 sao có 34 cơ sở (Hạ Long có 24 cơ sở; Cẩm Phả có 01 cơ sở; Móng Cái có 03 cơ sở; Vân Đồn có 01 cơ sở; Cô Tô có 03 cơ sở; Đông Triều có 01 cơ sở); khách sạn 2 sao có 59 cơ sở (Hạ Long có 30 cơ sở; Cẩm Phả có 01 cơ sở; Móng Cái có 08 cơ sở; Vân Đồn có 05 cơ sở; Cô Tô có 09 cơ sở; Đông Triều có 02 cơ sở; Uông Bí có 04 cơ sở); khách sạn 1 sao có 76 cơ sở (Hạ Long có 23 cơ sở; Móng Cái có 05 cơ sở; Vân Đồn có 14 cơ sở; Cô Tô có 22 cơ sở; Đông Triều có 05 cơ sở; Quảng Yên có 03 cơ sở; Uông Bí có 04 cơ sở). Trong đó, hiện có 78 khách sạn được công nhận đáp ứng điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ (Hạ Long có 63 cơ sở; Cẩm Phả có 06 cơ sở; Cô Tô có 02 cơ sở; Móng Cái có 03 cơ sở; Uông Bí có 01 cơ sở; Vân Đồn có 03 cơ sở). Bên cạnh đó, tính đến Quý IV năm 2020 có 85 cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh hết hạn quyết định công nhận đủ tiêu chuẩn phục vụ khách (Hạ Long có 54 cơ sở; Cẩm Phả có 03 cơ sở; Cô Tô có 14 cơ sở; Móng Cái có 06 cơ sở; Uông Bí có 02 cơ sở; Đông Triều có 01 cơ sở; Vân Đồn có 05 cơ sở).

Ngoài các khách sạn và căn hộ du lịch, Quảng Ninh hiện có 173 tàu thuyền lưu trú du lịch. Trong đó, hạng 2 sao có 80 tàu; hạng 1 sao có 93 tàu đáp ứng nhu cầu của du khách về dịch vụ lưu trú, ăn uống và các dịch vụ bổ sung khách cho du khách trên vịnh.

Tính đến ngày 05 tháng 3 năm 2021, trên địa bàn tỉnh có 49 cơ sở kinh doanh đạt chuẩn phục vụ khách du lịch. Bao gồm: 24 điểm mua sắm; 24 nhà hàng; 01 điểm vui chơi giải trí. Đồng thời, tỉnh hiện có 104 khu, điểm du lịch đã được công nhận, 11 bãi tắm du lịch và 47 doanh nghiệp lữ hành, du lịch đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Tất cả các doanh nghiệp lữ hành, du lịch trên địa bàn tỉnh góp phần tích cực vào sự phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh nói riêng, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh nói chung. [5]

2.2.2. Thực trạng phát triển du lịch sinh thái bền vững của Vịnh Hạ Long thời gian qua

Trước tác động nặng nề của dịch Covid-19, lượng khách du lịch đến Quảng Ninh sụt giảm nghiêm trọng, tác động không nhỏ đến đời sống kinh tế - xã hội và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, du lịch Quảng Ninh vẫn đạt được những kết quả đáng ghi nhận, cụ thể:

Tổng khách du lịch đến Quảng Ninh năm 2020 ước đạt 8.8 triệu lượt, giảm 36,8% so với năm 2019. Trong đó khách quốc tế đạt 536 nghìn lượt, giảm 90,6% so với năm 2019; khách nội địa đạt 8,3 triệu lượt tăng 0,6% so với năm 2019.

Tổng thu từ du lịch ước đạt trên 17.000 tỷ đồng, giảm 42,34% so với năm 2019. Giá trị tăng thêm từ thu của du khách trên địa bàn tỉnh đạt trên 11.000 tỷ đồng, giảm 42,6%; đóng góp 5,19% vào GRDP. Theo báo cáo của Cục Thống kê và Kết quả điều tra khách du lịch năm 2020: chỉ tiêu bình quân của khách lưu trú tự sắp xếp là 2.823,83 nghìn đồng/ lượt (giảm 0,81% so với năm 2019); khách du lịch đi theo tour

là 2.853,95 nghìn đồng/ lượt (giảm 1,1% so với năm 2019); khách trong nước không lưu trú tự sắp xếp là 1.345,73 nghìn đồng/ lượt (giảm 1,44% so với năm 2019); khách trong nước không lưu trú theo tour là 1.432,22 nghìn đồng/ lượt (giảm 1,46% so với năm 2019).

Sang đầu năm 2021, dịch Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng nặng nề đến ngành du lịch của tỉnh Quảng Ninh nói riêng, cả nước nói chung. Theo báo cáo mới nhất của Sở Du lịch tỉnh Quảng Ninh gửi Cục Thống kê tỉnh, quý I năm 2021, tỉnh Quảng Ninh đón 1.350 nghìn lượt khách, tổng thu từ khách du lịch đạt 2.565 tỷ đồng. [4]

2.2.1. Về số lượt khách và tốc độ tăng trưởng lượt khách

Chỉ tiêu về số lượt khách và tốc độ tăng trưởng lượt khách du lịch của Quảng Ninh được thể hiện trong Bảng 2.1 (xem bảng 2.1).

Bảng 2.1. Số lượt khách và tốc độ tăng trưởng lượt khách của du lịch Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2017/ 2016	2018	2018/ 2017	2019	2019/ 2018	2020	2020/ 2019
Tổng số lượt khách	Nghìn lượt	8,350	9,873	118,24%	12,246	124,04%	14,005	114,36%	8,783	62,71%
Khách nội địa	Nghìn lượt	4,850	5,589	115,24%	7,017	125,6%	8,256	117,66%	8,243	99,84%
Khách quốc tế	Nghìn lượt	3,500	4,284	122,4%	5,229	122,06%	5,749	109,94%	540	9,39%

Nguồn: Sở Du lịch Quảng Ninh [5]

Có thể thấy số lượt khách và tốc độ tăng trưởng lượt khách du lịch của Quảng Ninh tăng trưởng đều qua các năm, thể hiện sự phát triển của du lịch Quảng Ninh nói chung và du lịch thông minh nói riêng. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên số lượt khách và tốc độ tăng trưởng lượt khách du lịch của Quảng Ninh bị sụt giảm nghiêm trọng so với cùng kỳ năm 2019 và các năm trước đó. Kết quả này vẫn được coi là khả quan so với tình hình du lịch chung của cả nước và trên thế giới trong thời kỳ dịch bệnh.

2.2.2. Về chỉ tiêu bình quân một lượt khách và tốc độ tăng trưởng chỉ tiêu bình quân một lượt khách

Chỉ tiêu bình quân một khách và tốc độ tăng trưởng chỉ tiêu bình quân một khách của Quảng Ninh thể hiện trong bảng 2.2. (xem bảng 2.2).

Mức chỉ tiêu bình quân một khách tăng đều qua các năm cho thấy mức độ phát triển theo chiều sâu của du lịch Quảng Ninh. Năm 2020, do tác động của dịch bệnh nên mức chỉ tiêu bình quân một khách giảm nhẹ so với năm 2019.

Bảng 2.2. Chỉ tiêu bình quân một khách và tốc độ tăng trưởng chỉ tiêu bình quân một khách của du lịch Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020

ĐVT: Triệu đồng

	2016	2017	2017/ 2016	2018	2018/ 2017	2019	2019/ 2018	2020	2020/ 2019
Tổng chỉ bình quân một khách	1.845	2.290	124,12 %	2.636	115,11 %	2.886	109,48 %	2.854	98,89 %
Phân theo khoản chi									
Thuê phòng	0.469	0.467	-	0.746	-	0.7464	-	0.7454	-
Ăn uống	0.515	0.6798	-	0.79	-	0.8545	-	0.847	-
Đi lại	0.182	0.3759	-	0.236	-	0.2689	-	0.2905	-

Tham quan	0.221	0.2184	-	0.255	-	0.2833	-	0.2269	-
Mua hàng	0.308	0.3161	-	0.313	-	0.3725	-	0.3982	-
Vui chơi	0.055	0.1151	-	0.197	-	0.2429	-	0.2313	-
Y tế	0.009	0.0042	-	0.003	-	0.0039	-	0.0038	-
Chi khác	0.086	0.113	-	0.096	-	0.1134	-	0.1108	-

Nguồn: Sở Du lịch Quảng Ninh [5]

2.2.3. Về số ngày lưu trú bình quân và tốc độ tăng trưởng số ngày lưu trú bình quân

Bảng 2.3. thể hiện số ngày lưu trú bình quân và tốc độ tăng trưởng số ngày lưu trú bình quân của khách du lịch (xem bảng 2.3.).

Bảng 2.3. Số ngày lưu trú bình quân và tốc độ tăng trưởng số ngày lưu trú bình quân của du lịch Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020

DVT: Ngày

	2016	2017	2017/ 2016	2018	2018/ 2017	2019	2019/ 2018	2020	2020/ 2019
Số ngày lưu trú trung bình	1,767	1,855	104,98%	1,856	100,05%	2,151	115,89%	2,500	116,23%
Khách trong nước	1,632	1,963	120,28%	1,766	89,96%	1,889	106,96%	2,477	131,13%
Khách quốc tế	1,875	1,753	93,49%	1,939	110,61%	2,388	123,16%	2,646	110,80%

Nguồn: Sở Du lịch Quảng Ninh [5]

Nhìn vào số liệu có thể nhận thấy chỉ tiêu này có xu hướng tăng qua các năm, đáng chú ý là năm 2020 mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 nhưng chỉ tiêu này của du lịch Quảng Ninh vẫn tăng so với năm 2019 chứng tỏ du lịch Quảng Ninh vẫn giữ được sự phát triển về chiều sâu.

2.1.4. Về doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và tốc độ tăng trưởng doanh thu nhóm dịch vụ này của du lịch Quảng Ninh được thể hiện trong bảng 2.4. (xem bảng 2.4).

Bảng 2.4. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống của du lịch Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020

DVT: Nghìn tỷ đồng

	2016	2017	2017/ 2016	2018	2018/ 2017	2019	2019/ 2018	2020	2020/ 2019
Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	13,300	17,885	134,47%	23,630	132,21%	29,487	124,79%	17,028	57,75%

Nguồn: Sở Du lịch Quảng Ninh [5]

Dữ liệu trong bảng 2.4. cho thấy doanh thu nhóm dịch vụ này của du lịch Quảng Ninh có mức tăng trưởng nhanh trong giai đoạn 2016-2020, tuy nhiên, năm 2020 doanh thu giảm mạnh do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 khá rõ nét đối với du lịch cả nước nói chung, du lịch Quảng Ninh nói riêng.

3. Kết luận và kiến nghị

Có nhiều bên tham gia vào du lịch sinh thái. Những bên tham gia này không tồn tại độc lập, phải

cùng nhau hợp tác và có chung lợi ích.

- Chính quyền địa phương các cấp: Chính quyền địa phương phải đóng vai trò chính trong quản lý du lịch sinh thái, điều hoà các lợi ích nhằm đảm bảo phát triển bền vững, cụ thể hoá các chính sách, quy định về quản lý hoạt động du lịch sinh thái trong các khu bảo tồn thiên nhiên do địa phương quản lý; xây dựng chiến lược, quy hoạch, xây dựng, phê duyệt và kêu gọi các dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái theo thẩm quyền.

Tổ chức các hoạt động bảo tồn nhằm duy trì và phát triển đa dạng sinh học Vịnh Hạ Long. Ban Quản lý Vịnh Hạ Long, UBND tỉnh Quảng Ninh cần có những cơ chế phối hợp với Viện Sinh thái và Tài nguyên, cùng các tổ chức và nhà khoa học trong và ngoài nước xác định rõ đặc tính sinh học, khu vực phân bố của từng loài động thực vật đặc hữu tại Vịnh Hạ Long để có những kế hoạch bảo tồn phù hợp.

Thứ nhất, đối với những khu vực mà các quần thể loài đặc hữu tập trung số lượng lớn, điều kiện bảo tồn tốt, cần khoanh vùng bảo vệ và hình thành những khu vực bảo tồn nguyên trạng, nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác, đánh bắt, phá hoại đa dạng sinh học.

Thứ hai, hình thành các khu bảo tồn và nuôi trồng tập trung, trong đó tiến hành sưu tầm và nuôi trồng các loài đặc hữu của Vịnh Hạ Long phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học nhằm tìm ra các đặc tính sinh học của từng loài, có những biện pháp nhân giống các loài đặc hữu có nguy cơ tuyệt chủng, phục vụ cho công tác bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học. Bên cạnh đó, việc hình thành các khu vực bảo tồn và nuôi trồng tập trung này còn phục vụ tốt cho hoạt động tham quan du lịch của du khách mà không làm ảnh hưởng đến khu vực sống tự nhiên của các loài trên Vịnh Hạ Long; giúp du khách hiểu hơn về giá trị đa dạng sinh học Vịnh Hạ Long và mang lại nhiều lợi ích kinh tế - xã hội khác.

Thay đổi quan niệm của mọi người về bảo tồn và phát triển. Ban Quản lý Vịnh Hạ Long cần phối hợp với các cơ quan, ban ngành, các tổ chức đoàn thể, chính trị của tỉnh và thành phố thực hiện việc tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của người dân địa phương, đặc biệt là người dân sống trong khu vực Vịnh Hạ Long, và du khách, vận động họ tự nguyện tham gia các hoạt động bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học trên Vịnh. Hơn nữa, về lâu dài, cần đưa các chương trình giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên nói chung và bảo vệ Vịnh Hạ Long nói riêng vào các tiết học trong các nhà trường trên địa bàn thành phố và toàn tỉnh.

Xây dựng chính sách phù hợp nhằm phân phối rộng rãi hơn thu nhập du lịch. Thu nhập du lịch phải được sử dụng để duy trì hoạt động du lịch và phát triển cộng đồng địa phương như: đầu tư nâng cấp hệ thống “điện, đường, trường, trạm”, tránh tình trạng thu nhập chỉ tập trung vào một nhóm nhỏ còn đa số người dân địa phương không được hưởng lợi gì từ việc phát triển du lịch. Trong đó, cộng đồng địa phương, đặc biệt là những người dân đang sinh sống trên Vịnh Hạ Long, cần phải được xem là nhân tố cốt lõi giúp bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học. Các hoạt động sinh sống của người dân trên Vịnh Hạ Long gắn liền với các tài nguyên, muốn họ không khai thác và huỷ hoại đa dạng sinh học cần phải tạo

ra sinh kế vững chắc cho họ như: phát triển kinh tế gia đình và làm dịch vụ phục vụ du khách thăm Vịnh Hạ Long.

Đảm bảo tính thống nhất giữa các cơ quan quản lý. Quản lý chặt chẽ việc cấp phép xây dựng và hoạt động của các doanh nghiệp dịch vụ, du lịch trong khu vực bảo tồn, tránh tình trạng xây dựng ồ ạt, phá vỡ cảnh quan tự nhiên và ảnh hưởng đến đa dạng sinh học khu vực bảo tồn; cân bằng nhu cầu của con người với sức chứa của môi trường làm nền tảng cho sự phát triển – đảm bảo sự tham gia tối đa của cộng đồng với nghĩa vụ hiểu biết về mối quan hệ giữa kinh tế, môi trường và đạo đức thông qua một quá trình bao gồm cả những người trực tiếp tham gia bảo tồn và những người được hưởng lợi từ các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học Vịnh Hạ Long.

- Các tổ chức phi chính phủ: Các tổ chức phi chính phủ có thể cung cấp thông tin và hỗ trợ kỹ thuật cho các dự án về du lịch sinh thái; hỗ trợ và tạo điều kiện cho các thỏa thuận giữa cộng đồng địa phương và các nhà phát triển du lịch; tham gia soạn thảo các tài liệu và hướng dẫn về du lịch sinh thái. Do đó sự hỗ trợ của họ cho các dự án du lịch sinh thái cụ thể có thể rất có ý nghĩa.

- Các cơ quan tài chính: Các nguồn tài trợ, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cho du lịch sinh thái là rất cần thiết. Các ngân hàng, các nhà đầu tư, các cơ quan phát triển quốc tế đơn phương và đa phương, các nhà đầu tư tư nhân có thể đóng vai trò quan trọng trong hỗ trợ và cung cấp nguồn tài chính ban đầu cho phát triển và quy hoạch du lịch thích hợp. Các tổ chức phát triển quốc tế như Ngân hàng thế giới, Quỹ môi trường toàn Cầu, Quỹ tiền tệ Quốc tế, và ngân hàng phát triển Châu Á đã có các phòng môi trường trong cơ cấu tổ chức và đã tiến hành đánh giá tác động môi trường trước khi tài trợ cho một dự án.

- Cộng đồng địa phương: Cộng đồng địa phương ở bên trong và ở xung quanh khu bảo tồn thiên nhiên cần tham gia tích cực vào hoạt động du lịch sinh thái. Những người dân địa phương là những người tiếp xúc trực tiếp với du khách. Họ thường không được chuẩn bị tốt để làm việc này, vì vậy họ phải được đào tạo về nghiệp vụ du lịch và được tham gia vào dự án phát triển du lịch sinh thái.

- Các hãng lữ hành: Các hãng lữ hành trong nước và ngoài nước cung cấp những tour cho khách du lịch sinh thái; có thể tham gia xây dựng các sản phẩm du lịch sinh thái và quảng bá du lịch sinh thái.

- Hướng dẫn viên: Là bộ mặt của các hãng lữ hành trước khách hàng. Họ cần phải được đào tạo để nhận biết và đáp ứng được nhu cầu của khách hàng; có kỹ năng giao tiếp tốt để đem lại cho du khách những ấn tượng khó quên.

- Khách du lịch: Khách du lịch đóng vai trò trung tâm trong các hoạt động du lịch sinh thái. Cần biết khách du lịch sinh thái nghĩ gì về cơ sở hạ tầng và những trải nghiệm của họ nhằm nâng cao chất lượng và điều chỉnh các chương trình du lịch sinh thái và cơ sở hạ tầng. Cần phải quan tâm tới khách du lịch trong các bước lập kế hoạch, thực hiện và giám sát các hoạt động du lịch sinh thái.

REFERENCES

[1]. Vu,D.M. (2008), Textbook of Tourism Overview, Thống kê Publishing.

[2]. Swarbrooke. Jonh (2015), Sustainable Tourism Management, Wallingford: Cabi.

[3]. Lars Aronsson (2000), The Development Of Sustainable Tourism, Bath Press, Great Britain.

[4]. Quang Ninh Department of Tourism (2021), Quarterly report of GRDP calculation in 2021 of the province to the Department of Statistics.

[5]. Quang Ninh Department of Tourism (2021), Report on statistics related to the management of tourist areas and attractions of the province to the National Administration of Tourism.

[6]. National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam (2017), Law on Tourism, Chính trị quốc gia sự thật Publishing.

Các website:

www.vea.gov.vn; www.vnppa.org.vn;

www.vietnamtourism.gov.vn; www.esrt.vn;
<http://www.iebr.ac.vn/>